Chi tiết mã HS 7210.20.90

Mã HS	7210.20.90
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Được phủ, mạ hoặc tráng chì, kể cả hợp kim chì thiếc: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 12:44:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72102090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11079
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11079
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11079
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM)	0% (trừ ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10392
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10343
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10343
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10343
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10343
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10343
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10343
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10395
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10395

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10395
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10395
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10395
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10395
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10396
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10396
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10396
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10396
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10396
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10396
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10397
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10349
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10355
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10355
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10355
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10355
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10355
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10355
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10380
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10380
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10380
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10380
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10380
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10380
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10433
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10433
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10433
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10433
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10433
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10418
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10418
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10418
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10418
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10418
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10418
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10418
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10418
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10418
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10418
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10418
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10418
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10435
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10435
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10435
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10435
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10435
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10435
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10434
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10434
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10434
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10434
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10434
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10375
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10375
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10375
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10375
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10375
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10375
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10375
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10412
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10412
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10412
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10412
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10412
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10412
RCEP B	2022	2022	0	B!D10412
RCEP B	2023	2023	0	B!E10412
RCEP B	2024	2024	0	B!F10412
RCEP B	2025	2025	0	B!G10412
RCEP B	2026	2026	0	B!H10412
RCEP B	2027	2027	0	B!I10412
RCEP C	2022	2022	0	C!D10412
RCEP C	2023	2023	0	C!E10412
RCEP C	2024	2024	0	C!F10412
RCEP C	2025	2025	0	C!G10412
RCEP C	2026	2026	0	C!H10412

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10412
RCEP D	2022	2022	0	D!D10411
RCEP D	2023	2023	0	D!E10411
RCEP D	2024	2024	0	D!F10411
RCEP D	2025	2025	0	D!G10411
RCEP D	2026	2026	0	D!H10411
RCEP D	2027	2027	0	D!I10411
RCEP E	2022	2022	0	E!D10415
RCEP E	2023	2023	0	E!E10415
RCEP E	2024	2024	0	E!F10415
RCEP E	2025	2025	0	E!G10415
RCEP E	2026	2026	0	E!H10415
RCEP E	2027	2027	0	E!I10415
RCEP F	2022	2022	0	F!D10412
RCEP F	2023	2023	0	F!E10412
RCEP F	2024	2024	0	F!F10412
RCEP F	2025	2025	0	F!G10412
RCEP F	2026	2026	0	F!H10412
RCEP F	2027	2027	0	F!I10412
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9627
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9627
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9627
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9627

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7210.20 có 2 dòng thuế; dòng 7210.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7210.20.10 Có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo khối lượng và chiều dày không quá 1,5 mm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm thép cuộn phẳng đã được dát phủ, mạ hoặc tráng; Sản phẩm thép kỹ thuật điện, thép gió > Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, đã được dát phủ, mạ hoặc tráng. Gồm: Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng thiếc; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng chì kể cả hợp kim chì thiếc; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng oxit crôm hoặc bằng crôm và oxit crôm; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được mạ hoặc tráng nhôm; Thép không hợp kim cuộn phẳng có chiều rộng ≥ 600mm, được sơn, quét vecni hoặc phủ plastic (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7210.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7210.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11079), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.